TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **31**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 8 - 2018
V/v Tranh chấp "*Ly hôn"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Văn Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đình Phúc**
2. Ông **Đồng Văn Hóa**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* **Bà Hồ Thị Bình** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:* **Bà Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2018 về việc "*Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐ-HNGĐ ngày 23/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số 142 Dương Đình Hội, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh..

** Bị đơn:* **Anh Nguyễn Đình T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 10/10/2017, các văn bản đề ngày 06/3/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc đến năm 2004, từ năm 2005 trở đi vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, khi anh T bị thất

nghiệp, không chịu đi tìm việc làm mà suốt ngày nhậu nhẹt, sau đó còn có hành vi đánh đập chị D. Chị D đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2005 đến nay thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/01/2003, chị D xin được quyền trực tiếp nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn xử lý đơn khởi kiện, thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đảm bảo. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là chưa tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc kết hôn, chung sống giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, anh T không có thiện chí hàn gắn, nên chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Do đó, căn cứ các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/01/2003. Từ năm 2005 vợ chồng đã ly thân và cháu Nguyễn Bảo Ng sống với chị D cho đến nay, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Bảo Ng ngày 12/4/2018, cháu Ng có nguyện vọng được ở với chị D. Trong khi đó, anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận giao con chung Nguyễn Bảo Ng cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung; nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết, nên không đề cập đến

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thùy D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau một cách tự nguyện năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đã quy định. Quá trình chung sống, chị D cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh T không chịu tìm việc làm mà suốt ngày nhậu nhẹt. Từ đầu năm 2005 đến nay thì vợ chồng sống ly thân. Đối với anh Nguyễn Đình T biết việc chị D khởi kiện ly hôn nhưng anh T vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt theo các triệu tập của Tòa án. Từ đó thấy rằng, anh T không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc chị D muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thùy D là phù hợp.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thùy D và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/01/2003. Xét thấy đây là con chung của chị D và anh T, từ khi vợ chồng ly hôn vào năm 2005 cho đến nay thì cháu Ng ở cùng chị D và do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu Nguyễn Bảo Ng cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị D. Đối với anh Nguyễn Đình T biết việc chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo Ng đến khi cháu Ng trưởng thành đủ 18 tuổi, nhưng anh T vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt theo các triệu tập của Tòa án. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của con, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Bảo Ng cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ng trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con’ về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy D, xử cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 03/01/2003 cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Bảo Ng trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy D phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024523, quyển số 000491 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị Nguyễn Thùy D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *Chị cục THADS huyện Đồng Phú;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Thuận Lợi;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Sơn